

QUY ĐỊNH

về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo,
quản lý trong hệ thống chính trị

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị
và Ban Bí thư khoá XIII,

Bộ Chính trị quy định việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh,
chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quan điểm, nguyên tắc

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; nêu cao trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, nhất là người được lấy phiếu tín nhiệm, người ghi phiếu tín nhiệm.

2. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm dân chủ, khách quan, công tâm, công khai, minh bạch trong lấy phiếu tín nhiệm và sử dụng kết quả tín nhiệm. Nghiêm cấm và xử lý nghiêm hành vi vi phạm, làm sai lệch mức độ tín nhiệm hoặc lợi dụng lấy phiếu tín nhiệm để làm giảm uy tín của người khác, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ.

3. Lấy phiếu tín nhiệm là nội dung quan trọng trong đánh giá cán bộ, được thực hiện định kỳ; cán bộ giữ nhiều chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý thì lấy phiếu tín nhiệm tối đa ở 2 nơi cán bộ công tác và sinh hoạt.

4. Kết quả lấy phiếu tín nhiệm phải báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ và được công khai theo quy định. Những cán bộ có tín nhiệm thấp phải kịp thời xem xét đưa ra khỏi quy hoạch, cho từ chức, miễn nhiệm hoặc bố trí công tác khác thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2. Góp phần đánh giá uy tín và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ; giúp cán bộ "tự soi", "tự sửa", tiếp tục phấn đấu, rèn luyện trong công tác; là cơ sở quan trọng để cấp ủy, tổ chức đảng đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ; nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý, giám sát cán bộ.

3. Quá trình tổ chức lấy phiếu tín nhiệm phải thực hiện nghiêm theo quy định này và các văn bản liên quan, bảo đảm thực chất, góp phần tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng.

Chương II

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM, THÀNH PHẦN GHI PHIẾU VÀ THỜI ĐIỂM LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM

Điều 3. Phạm vi, đối tượng lấy phiếu tín nhiệm và thành phần ghi phiếu tín nhiệm

1. Phạm vi, đối tượng

- Cán bộ giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp có đơn vị trực thuộc.

- Cán bộ đã có thông báo nghỉ công tác chờ nghỉ hưu hoặc được bổ nhiệm, bầu cử trong năm lấy phiếu thì không thực hiện lấy phiếu tín nhiệm.

2. Thành phần ghi phiếu tín nhiệm được quy định cụ thể đối với từng chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị (Phụ lục 1).

Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

Điều 4. Thời điểm lấy phiếu tín nhiệm

Việc lấy phiếu tín nhiệm được tiến hành định kỳ vào năm thứ 3 (năm giữa nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp), cụ thể như sau:

1. Lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp bầu hoặc phê chuẩn thực hiện theo quy định của Quốc hội.

2. Lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu thực hiện theo chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo cấp uỷ địa phương tiến hành sau khi lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do hội đồng nhân dân các cấp bầu.

4. Lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý khác tiến hành sau sơ kết 6 tháng đầu năm của năm thứ 3 giữa nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp.

Chương III

TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH, TỔNG HỢP KẾT QUẢ, CÔNG KHAI VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM

Điều 5. Tiêu chí lấy phiếu tín nhiệm

1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

- Lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; tinh thần trách nhiệm trong công việc, thái độ phục vụ Nhân dân; liêm chính, trung thực, công tâm, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ý thức tổ chức kỷ luật, việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; chấp hành sự phân công của tổ chức; thực hiện các quy định, quy chế của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi công tác; khả năng quy tụ, đoàn kết nội bộ và xử lý những vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm.

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; sự gương mẫu của bản thân và vợ, chồng, con trong việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp uỷ nơi cư trú.

2. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao (tính từ đầu nhiệm kỳ đến thời điểm lấy phiếu)

- Kết quả lãnh đạo, tham mưu, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực, phạm vi phụ trách; tính năng động, đổi mới, sáng tạo, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Số lượng, chất lượng sản phẩm, hiệu quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác kiểm tra, giám sát; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực, phạm vi phụ trách.

Điều 6. Phiếu tín nhiệm, cách ghi phiếu và tổng hợp kết quả

1. Phiếu tín nhiệm

Phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được lấy phiếu tín nhiệm, các mức độ tín nhiệm theo 3 mức: "tín nhiệm cao", "tín nhiệm" và "tín nhiệm thấp". Phiếu tín nhiệm theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này (Phụ lục 4).

2. Cách ghi phiếu

Căn cứ vào nội dung tiêu chí lấy phiếu tín nhiệm, người ghi phiếu tín nhiệm nghiên cứu, đánh giá khách quan về người được lấy phiếu tín nhiệm, ghi ý kiến của mình vào phiếu tín nhiệm. Người ghi phiếu tín nhiệm có thể ký tên hoặc không ký tên vào phiếu tín nhiệm.

3. Tổng hợp, phân tích kết quả phiếu tín nhiệm

- Kết quả phiếu tín nhiệm đối với từng người được tổng hợp như sau: Họ tên, chức vụ của người được lấy phiếu tín nhiệm; tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ; tổng số phiếu tín nhiệm cao và tỉ lệ phần trăm trên tổng số phiếu thu về; tổng số phiếu tín nhiệm và tỉ lệ phần trăm trên tổng số phiếu thu về; tổng số phiếu tín nhiệm thấp và tỉ lệ phần trăm trên tổng số phiếu thu về.

- Phiếu không hợp lệ: Là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra; phiếu gạch xóa họ tên người được in trên phiếu; phiếu ghi tên một người mà người ghi phiếu không đánh dấu vào ô nào hoặc đánh dấu vào hai hoặc ba ô.

- Trường hợp phiếu ghi thêm tên của người ngoài danh sách lấy phiếu tín nhiệm thì phần ghi thêm là không hợp lệ; các trường hợp trong danh sách còn lại nếu đánh dấu theo quy định thì hợp lệ.

Điều 7. Trách nhiệm của tập thể và cá nhân trong lấy phiếu tín nhiệm

1. Trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, thực chất.

- Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị (gồm cả các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên trực tiếp); sơ kết, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện lấy phiếu tín nhiệm.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện lấy phiếu tín nhiệm của cấp dưới trực thuộc.

- Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đưa ra khỏi quy hoạch, cho từ chức, miễn nhiệm, bố trí công tác khác mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm đối với cán bộ có tín nhiệm thấp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ có tín nhiệm cao.

2. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ

- Tham mưu xây dựng kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm.

- Đề nghị người được lấy phiếu tín nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo giải trình về các nội dung liên quan theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc của người ghi phiếu tín nhiệm trước khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm.

- Tập hợp báo cáo giải trình, bổ sung của người được lấy phiếu tín nhiệm (nếu có), gửi báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc người ghi phiếu.

- Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với những cán bộ có kết quả tín nhiệm thấp theo Điều 11, Quy định này; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có tín nhiệm cao.

- Giúp cấp có thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện lấy phiếu tín nhiệm của cấp dưới trực thuộc.

3. Trách nhiệm của người được lấy phiếu

- Người được lấy phiếu tín nhiệm phải gửi báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin trung thực, chính xác về các nội dung lấy phiếu tín nhiệm theo quy định và gửi đến cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ trước ngày lấy phiếu tín nhiệm 20 ngày.

- Chậm nhất 3 ngày trước ngày lấy phiếu tín nhiệm, người được lấy phiếu tín nhiệm phải báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin bổ sung liên quan đến lấy phiếu tín nhiệm theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc người ghi phiếu tín nhiệm (nếu có).

4. Trách nhiệm của người ghi phiếu

- Nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá khách quan, thận trọng, trung thực, công tâm về người được lấy phiếu tín nhiệm và nội dung báo cáo, giải trình (nếu có) để thể hiện mức độ tín nhiệm cụ thể trong phiếu tín nhiệm.

- Khi có vấn đề cần làm rõ thì người ghi phiếu đặt yêu cầu bằng văn bản đối với người được lấy phiếu (qua cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ) chậm nhất là 10 ngày trước ngày lấy phiếu tín nhiệm.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm

Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị về lấy phiếu tín nhiệm, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định, trong đó xác định cụ thể: Mục đích, yêu cầu, số lượng và chức danh lấy phiếu tín nhiệm, thành phần ghi phiếu tín nhiệm đối với từng chức danh, việc công khai và sử dụng kết quả phiếu tín nhiệm; phân công tổ chức thực hiện... phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Quy trình lấy phiếu tín nhiệm

1. Đối với các chức danh cấp uỷ và chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị

Bước 1: Chuẩn bị lấy phiếu tín nhiệm

Căn cứ kế hoạch của cấp có thẩm quyền, cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ chuẩn bị các nội dung sau:

- Yêu cầu người được lấy phiếu tín nhiệm báo cáo theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Quy định này.

- Tập hợp báo cáo, hồ sơ của người được lấy phiếu tín nhiệm theo quy định và báo cáo giải trình, cung cấp thông tin về nội dung liên quan (nếu có), gửi cho người ghi phiếu trước 15 ngày; các nội dung, vấn đề cần làm rõ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc người ghi phiếu tín nhiệm thì gửi cho người được lấy phiếu tín nhiệm trước 10 ngày lấy phiếu tín nhiệm.

- Chuẩn bị phiếu tín nhiệm ghi danh sách người được lấy phiếu tín nhiệm, các mức tín nhiệm và có đóng dấu treo của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

- Đề xuất ban kiểm phiếu.

Bước 2: Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm

- Cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quán triệt về mục đích, yêu cầu việc lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ theo quy định.

- Bầu ban kiểm phiếu; ban kiểm phiếu tiến hành phát phiếu, hướng dẫn cách ghi phiếu.

- Cán bộ trong thành phần ghi phiếu và bỏ phiếu vào thùng phiếu theo quy định.

Bước 3: Báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu với hội nghị.

- Biên bản kiểm phiếu được lập thành 3 bản (2 bản gửi cấp trên trực tiếp; 1 bản lưu tại địa phương, cơ quan, đơn vị) và quản lý theo chế độ mật.

- Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định tại Điều 10, Quy định này.

2. Đối với các chức danh cán bộ do Quốc hội và hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn

Căn cứ vào quy trình quy định tại Khoản 1 Điều này, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo cụ thể hoá, tổ chức thực hiện.

Điều 10. Công khai kết quả phiếu tín nhiệm

1. Kết quả phiếu tín nhiệm được công khai đối với tập thể và cá nhân sau:

- Thành phần tham gia ghi phiếu tín nhiệm.
- Cấp có thẩm quyền trực tiếp quản lý cán bộ.
- Cá nhân người được lấy phiếu tín nhiệm.

2. Cách thức công khai kết quả phiếu tín nhiệm

- Công bố tại các hội nghị lấy phiếu tín nhiệm.
- Đối với Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư thì công khai trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- Đối với các chức danh do Quốc hội, hội đồng nhân dân bầu, phê chuẩn thì công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri và Nhân dân biết.
- Đối với các chức danh, chức vụ còn lại trong hệ thống chính trị thì công khai tại hội nghị lấy phiếu tín nhiệm.

Điều 11. Sử dụng kết quả phiếu tín nhiệm

1. Kết quả phiếu tín nhiệm được sử dụng để đánh giá cán bộ, làm cơ sở cho công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

2. Những trường hợp có trên 50% nhưng dưới 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đưa ra khỏi quy hoạch các chức vụ cao hơn; xem xét cho thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm, bố trí công tác khác hoặc cho từ chức hoặc tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm theo quy định.

3. Những trường hợp có từ 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp trở lên thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ thực hiện miễn nhiệm chức vụ đang đảm nhiệm và

bộ trí công tác khác (thấp hơn) mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm.

4. Đối với người được lấy phiếu tín nhiệm ở 2 nơi thì việc đánh giá tín nhiệm đối với cán bộ sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở xem xét tổng thể kết quả phiếu tín nhiệm ở từng nơi.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương lãnh đạo, tổ chức thực hiện Quy định này; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn cấp dưới thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm; tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) về kết quả phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các nghị quyết của Quốc hội, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy định này và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3. Ban Tổ chức Trung ương tham mưu xây dựng kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư; tổng hợp kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, báo cáo Bộ Chính trị.

4. Quy định này thay thế Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 08/10/2014 của Bộ Chính trị về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với thành viên lãnh đạo cấp uỷ và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thưởng

PHỤ LỤC 1
chức danh, chức vụ lấy phiếu tín nhiệm
và thành phần ghi phiếu tín nhiệm đối với từng chức danh, chức vụ
(Kèm theo Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị)

I- Các chức danh cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý

1. *Đối với Tổng Bí thư và đồng chí Thường trực Ban Bí thư:* Ủy viên Trung ương Đảng.

2. *Đối với Chủ tịch nước*

- Ủy viên Trung ương Đảng.

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

3. *Đối với Phó Chủ tịch nước:* Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

4. *Đối với Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước:*

Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Văn phòng Chủ tịch nước; trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể cơ quan Văn phòng Chủ tịch nước.

5. *Đối với Chủ tịch Quốc hội và Phó Chủ tịch Quốc hội là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư:*

- Ủy viên Trung ương Đảng.

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

6. *Đối với các Phó Chủ tịch Quốc hội không là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội - Tổng Thư ký Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Trưởng các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội:*

- Đại biểu Quốc hội (nếu thuộc đối tượng theo quy định của Quốc hội).

- Thường trực Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội; lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội.

7. *Đối với Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội:*

- Đại biểu Quốc hội (nếu thuộc đối tượng theo quy định của Quốc hội).

- Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội; trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể cơ quan Văn phòng Quốc hội.

8. Đối với Tổng Kiểm toán Nhà nước và Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước:

- Đại biểu Quốc hội (đối với Tổng Kiểm toán Nhà nước theo quy định của Quốc hội).

- Ủy viên Ban cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước; ủy viên ban chấp hành đảng bộ, trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể ở cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

9. Đối với Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư:

- Ủy viên Trung ương Đảng.

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

10. Đối với các Phó Thủ tướng Chính phủ không là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư:

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

- Thành viên của Chính phủ.

11. Đối với Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ:

- Đại biểu Quốc hội (đối với Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ theo quy định của Quốc hội).

- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Văn phòng Chính phủ; trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể cơ quan Văn phòng Chính phủ.

12. Đối với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an là Ủy viên Bộ Chính trị:

- Ủy viên Trung ương Đảng.

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

13. Đối với bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ và thứ trưởng các bộ, ngành (không phải là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư):

- Đại biểu Quốc hội (đối với bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo quy định của Quốc hội).

- Ủy viên ban cán sự đảng bộ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan bộ; vụ trưởng và tương đương; bí thư đảng ủy là chủ tịch hội đồng trường, chủ tịch hội đồng quản lý, chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị) các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc. Đối với những nơi chưa có chủ tịch hội đồng trường, chủ tịch hội đồng quản lý, chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị) thì người tham dự là đồng chí bí thư là giám đốc (tổng giám đốc), hiệu trưởng.

14. Đối với trưởng ban đảng và tương đương là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư: Ủy viên Trung ương Đảng.

15. Đối với trưởng ban (không phải là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư), phó trưởng ban đảng và cơ quan ở Trung ương: Lãnh đạo cơ quan, ủy viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan; trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể của cơ quan.

16. Đối với lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy viên Đoàn Chủ tịch (đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); ủy viên ban chấp hành đối với các tổ chức khác.

- Ủy viên đảng đoàn, ủy viên ban chấp hành đảng bộ, trưởng các đơn vị trực thuộc và các đoàn thể ở cơ quan (không bao gồm đồng chí Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư).

17. Đối với Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể cơ quan Trung ương Đoàn.

18. Đối với Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (là Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư):

- Ủy viên Trung ương Đảng.

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

b) Đối với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

- Đại biểu Quốc hội (theo quy định của Quốc hội).

- Phó Viện trưởng, uỷ viên ban cán sự đảng, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan, trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

c) Đối với Phó Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

Chánh án, phó chánh án, viện trưởng, phó viện trưởng; uỷ viên ban cán sự đảng; uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan, trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng đoàn thể cơ quan Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

d) Đối với một số chức danh khác: Ban cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào mô hình tổ chức để quy định cụ thể cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhưng không được trái với Quy định này.

19. Đối với Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (là Uỷ viên Bộ Chính trị hoặc Uỷ viên Ban Bí thư):

- Uỷ viên Trung ương Đảng.

- Uỷ viên Quân uỷ Trung ương.

20. Đối với lãnh đạo cấp trưởng và cấp phó của Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, lãnh đạo cấp trưởng: Uỷ ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật: Lãnh đạo cấp trưởng và cấp phó của đơn vị, uỷ viên ban biên tập (Báo Nhân Dân và Tạp chí Cộng sản), uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan; trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể của cơ quan.

21. Đối với bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ là Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư:

- Uỷ viên Trung ương Đảng.

- Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

22. Đối với bí thư, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ; uỷ viên ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ; uỷ viên ban thường vụ là chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.
- Đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (nếu thuộc đối tượng quy định của Quốc hội).

II- Các chức danh cán bộ khác ở Trung ương

1. Đối với lãnh đạo cấp phó: Uỷ ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật:

Lãnh đạo cấp trưởng và cấp phó của đơn vị, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan; trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể của cơ quan.

2. Đối với tổng cục trưởng, phó tổng cục trưởng và tương đương:

Tổng cục trưởng, phó tổng cục trưởng, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tổng cục, trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể ở cơ quan tổng cục.

3. Đối với cục trưởng, phó cục trưởng và tương đương:

Cục trưởng, phó cục trưởng, uỷ viên cấp uỷ đảng của cục (đảng uỷ viên hoặc chỉ uỷ viên), trưởng các đơn vị trực thuộc, trưởng các đoàn thể ở cơ quan cục (nếu có).

III- Các chức danh cán bộ khác ở địa phương

1. Đối với phó chủ tịch hội đồng nhân dân và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân (không là uỷ viên ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ), trưởng các ban của hội đồng nhân dân, các thành viên khác của uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (theo quy định của Quốc hội).
- Giám đốc sở, ngành, trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Đối với giám đốc, phó giám đốc sở, trưởng ban, phó trưởng ban và tương đương thuộc tỉnh, thành phố:

- Đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (nếu thuộc đối tượng theo quy định của Quốc hội).

- Giám đốc, phó giám đốc sở, trưởng ban, phó trưởng ban và tương đương; uỷ viên ban chấp hành đảng bộ (hoặc chi bộ) sở, ban, ngành; cấp trưởng các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành; trưởng các đoàn thể ở cơ quan sở, ban, ngành.

3. Đối với trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Uỷ viên Đoàn Chủ tịch (đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); uỷ viên ban chấp hành đối với các tổ chức khác.

- Uỷ viên đảng đoàn, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, trưởng các đơn vị trực thuộc và các đoàn thể ở cơ quan.

4. Đối với bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, trưởng các ban của hội đồng nhân dân, các thành viên khác của uỷ ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố:

Thành phần lấy phiếu tín nhiệm tương tự như quy định đối với cấp tỉnh.

IV- Chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng các tập đoàn, tổng công ty (công ty) nhà nước

Uỷ viên hội đồng thành viên (quản trị), tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng; uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tập đoàn, tổng công ty (nếu tổ chức đảng toàn tập đoàn, tổng công ty) hoặc uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cơ quan tập đoàn, tổng công ty; trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty; bí thư đảng uỷ (chi bộ), chủ tịch hội đồng thành viên (quản trị), tổng giám đốc (giám đốc) các tổng công ty (công ty) trực thuộc tập đoàn, tổng công ty; trưởng các đoàn thể của tập đoàn, tổng công ty.

Lưu ý: Đối với các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương và địa phương phải mời cán bộ của các ban xây dựng đảng, văn phòng cấp uỷ và cơ quan tổ chức, cán bộ của cơ quan Nhà nước cấp trên trực tiếp dự và giám sát hoạt động của ban kiểm phiếu tại hội nghị lấy phiếu tín nhiệm.

PHỤ LỤC 2**Danh mục hồ sơ người được lấy phiếu tín nhiệm**

(Kèm theo Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị)

Danh mục hồ sơ người được lấy phiếu tín nhiệm thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm.
 2. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
 3. Báo cáo giải trình về các nội dung liên quan theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc của người ghi phiếu tín nhiệm (nếu có).
-

PHỤ LỤC 3

Mẫu Báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm
(Kèm theo Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị)

Tên tổ chức, cơ quan, đơn vị

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
CỦA NGƯỜI ĐƯỢC LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM
Tại kỳ họp (hội nghị)

Kính gửi: (1)

- Tôi là (ghi rõ họ và tên):
- Chức vụ: (2)
- Đơn vị công tác:

Căn cứ vào Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị và Kế hoạch (của địa phương, cơ quan, đơn vị) về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, tôi xin báo cáo như sau:

1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

- Lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; tinh thần trách nhiệm trong công việc, thái độ phục vụ Nhân dân; liêm chính, trung thực, công tâm, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ý thức tổ chức kỷ luật, việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; chấp hành sự phân công của tổ chức; thực hiện các quy định, quy chế của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi công tác; khả năng quy tụ, đoàn kết nội bộ và xử lý những vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm.

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; sự gương mẫu của bản thân và vợ, chồng, con trong

việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp uỷ nơi cư trú.

2. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao (tính từ đầu nhiệm kỳ đến thời điểm lấy phiếu)

- Kết quả lãnh đạo, tham mưu tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực, phạm vi phụ trách; tính năng động, đổi mới, sáng tạo, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Số lượng, chất lượng sản phẩm, hiệu quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả lãnh đạo công tác cán bộ; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác kiểm tra, giám sát; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực, phạm vi phụ trách.

3. Hạn chế và giải pháp khắc phục.

4. Báo cáo, giải trình các nội dung mà cấp có thẩm quyền hoặc người ghi phiếu tín nhiệm yêu cầu (nếu có).

Người báo cáo
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi các thành phần ghi phiếu tín nhiệm.
- (2) Chức danh được lấy phiếu tín nhiệm.

PHỤ LỤC 4
Mẫu Phiếu tín nhiệm
(Kèm theo Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị)

Tên tổ chức, cơ quan, đơn vị

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Đóng dấu treo)

PHIẾU TÍN NHIỆM

của..... (1).....

đối với.....(2).....

năm 202...

Thực hiện Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị; đề nghị đồng chí thể hiện sự tín nhiệm của mình đối với các đồng chí có tên dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô tương ứng:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Mức độ tín nhiệm		
			Cao	Tín nhiệm	Thấp
1					
2					
3					
4					
5					

Người ghi phiếu

(có thể ký hoặc không ký tên)

Ghi chú:

(1) Ghi các thành phần ghi phiếu tín nhiệm.

(2) Chức danh được lấy phiếu tín nhiệm.

PHỤ LỤC 5**Mẫu Báo cáo kết quả phiếu tín nhiệm***(Kèm theo Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị)***Tên tổ chức, cơ quan, đơn vị**.....
(Đóng dấu treo)

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHIẾU TÍN NHIỆM**Tại hội nghị (kỳ họp).....**

Thực hiện nhiệm vụ do giao, từ ... giờ ... phút đến ... giờ ... phút, ngày .../.../..., tại, Ban Kiểm phiếu gồm ... đồng chí, do đồng chí ... làm Trưởng Ban đã tiến hành kiểm phiếu tín nhiệm của ... đối với ...; kết quả cụ thể như sau:

1. Tổng số uỷ viên ban chấp hành (đại biểu): ... đồng chí.

- Số có mặt dự hội nghị (kỳ họp): ... đồng chí.

- Số vắng mặt từ đầu hội nghị (kỳ họp) đến trước thời điểm bỏ phiếu: ... đồng chí.

- Số có mặt tại thời điểm bỏ phiếu: ... đồng chí.

- Số phiếu phát ra: ... phiếu.

- Số phiếu thu về: ... phiếu.

2. Kết quả kiểm phiếu

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Số phiếu hợp lệ	Mức độ tín nhiệm					
				Cao		Tín nhiệm		Thấp	
				Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %
1									
2									
3									

Ghi chú: Tỉ lệ % tính trên tổng số phiếu thu về.

T/M BAN KIỂM PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

